

Đổi mới giáo dục ở Việt Nam từ tháng 9 năm 1945 và những nhiệm vụ đặt ra cho nền quốc học trong bối cảnh phát triển hiện nay

Đặng Quốc Bảo¹, Phạm Minh Giản²

Tăng Thái Thụy Ngân Tâm³

¹ Viện Trí Việt

19 Nguyễn Hữu Thọ, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: sockpul@gmail.com

² Email: phamminggian2004@gmail.com

³ Email: ttntam@dtu.edu.vn

Trường Đại học Đồng Tháp
783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6,
thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

TÓM TẮT: Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của đất nước luôn là nhiệm vụ của nền giáo dục quốc gia. Kể từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 02 tháng 9 năm 1945, giáo dục Việt Nam trải qua ba cuộc đổi mới lớn, với các cuộc cải cách quan trọng góp phần đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, đáp ứng nguồn cung nhân lực cho phát triển đất nước. Bài viết trình bày ba cuộc đổi mới giáo dục bao gồm: Đổi mới giáo dục lần thứ nhất (1945) và với ba cuộc cải cách 1950, 1956, 1979; Đổi mới giáo dục lần thứ hai (từ cuối năm 1986 đến những năm đầu thế kỷ XXI); Đổi mới giáo dục lần thứ ba (từ tháng 11 năm 2013) gắn liền cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Từ đó, đề cập các nhiệm vụ cho nền quốc học Việt Nam trong tình hình mới.

TỪ KHÓA: Đổi mới giáo dục; nền quốc học; cải cách giáo dục; giáo dục Việt Nam.

→ Nhận bài 08/9/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 14/10/2020 → Duyệt đăng 25/3/2021.

1. Đặt vấn đề

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, công nghệ và nhu cầu phát triển kinh tế đã tạo ra nhu cầu cao về nguồn nhân lực. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến các cuộc cải cách giáo dục (GD) trên thế giới. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng trên. Sau khi giành độc lập (1945), Việt Nam cũng bắt đầu chính sách phát triển GD đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Từ ngày 02 tháng 9 năm 1945 đến nay, Việt Nam trải qua ba cuộc đổi mới GD lớn. Mỗi giai đoạn có nhiệm vụ, mục tiêu riêng đáp ứng tình hình trong giai đoạn đó. Giai đoạn đổi mới sau kế thừa những thành tựu của giai đoạn trước và đặt ra những nội dung mới thích ứng với yêu cầu của thời đại mới và tình hình thực tế của đất nước. Bước vào thời đại khoa học công nghệ phát triển, GD Việt Nam cũng đặt ra những nhiệm vụ mới, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đổi mới giáo dục 1.0 (từ 02 tháng 9 năm 1945) và 3 cuộc cải cách giáo dục

2.1.1. Đổi mới giáo dục 1.0

Ngày 02 tháng 9 năm 1945, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, trong Đường lối nội chính của Chính phủ, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp khẳng định: “Nền GD đang ở thời kì tổ chức, chắc chắn là bậc sơ học sẽ cưỡng bách, bậc trung học không có học phí, học trò nghèo sẽ được cấp học bổng. Việc giảng dạy hết sức

thiết thực sẽ đặc biệt chú trọng đến sự rèn luyện đức tính cần thiết trong cuộc đời đoàn thể rộng rãi và năng lực kỹ thuật cần lao của con người”.

Từ đây, GD Việt Nam bước vào cuộc đổi mới lần thứ nhất: Đổi mới trạng thái chính trị của nền GD, cải tạo GD thực dân phong kiến, xây dựng nền GD dân tộc - dân chủ - khoa học. Có thể coi đây là “Đổi mới GD 1.0”. Ngày 03 tháng 9 năm 1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu đề nghị mở chiến dịch chống nạn mù chữ.

Ngày 08 tháng 9 năm 1945, Chính phủ kí 4 sắc lệnh về GD: Sắc lệnh số 16/SL đặt ra ngành Thanh tra GD; Sắc lệnh số 17/SL thành lập Nha Bình dân học vụ; Sắc lệnh số 19/SL quy định hạn trong 6 tháng, làng nào thị trấn nào cũng phải có lớp học bình dân học vụ; Sắc lệnh số 20/SL cưỡng bức học chữ Quốc ngữ với thời hạn một năm tất cả mọi người Việt Nam từ 8 tuổi trở lên phải biết đọc biết viết chữ Quốc ngữ. Khai giảng năm học 1945-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh có thư gửi học sinh Việt Nam khẳng định quyết tâm của chính quyền mới, xây dựng nền GD Việt Nam đào tạo (ĐT) học sinh thành công dân hữu ích.

Ngày 10 tháng 10 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh số 43 thành lập Quỹ Tự trị đại học nêu rõ: “Việc quản trị quỹ đó do một hội đồng quản trị gồm có ông Giám đốc Đại học vụ làm Chủ tịch, ông Đồng lí văn phòng Bộ Quốc gia GD làm Phó Chủ tịch” [1].

Ngày 10 tháng 08 năm 1946, Chính phủ kí sắc lệnh số 146/SL quy định nền GD bao gồm: Bậc học cơ bản 4

năm, Bậc học tổng quát và chuyên nghiệp, Bậc Đại học. Cùng ngày, ban hành sắc lệnh 147/SL quy định bậc học cơ bản không phải trả tiền, các môn học dạy học bằng tiếng Việt...

Kháng chiến toàn quốc (19 tháng 12 năm 1946) có làm gián đoạn một số mục tiêu chung nhưng ở vùng tự do do Chính quyền cách mạng điều hành nền GD mới, tiếp tục phát triển 3 ngành: Bình dân học vụ, Phổ thông, Đại học. Từng có những cảnh tượng hào hùng:

*Có những mái trường xưa
Vừa chống càn vừa học
Giặc lui trong phút chốc
Thầy trò lại ngâm thơ.*

2.1.2. Cải cách giáo dục lần thứ nhất (1950)

Cuộc cải cách GD lần thứ nhất tiến hành năm 1950 ở vùng tự do, xác định mục tiêu ĐT con người lấy hệ giá trị Nhân - Nghĩa - Trí - Dũng - Liêm là các giá trị cốt lõi của nhân cách. Hệ giá trị làm theo lời dạy của Hồ Chí Minh được nêu trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (Bác viết năm 1947 khi toàn quốc vừa tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp). Thành quả của cuộc cải cách GD lần thứ nhất đã thúc đẩy GD, góp phần xứng đáng vào Chiến thắng Điện Biên Phủ (tháng 5 năm 1954), chấm dứt sự cai trị của thực dân Pháp.

2.1.3. Cải cách giáo dục lần thứ hai (1956)

Cuộc cải cách GD lần thứ hai tiến hành năm 1956, ở miền Bắc đang xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà có mục tiêu xây dựng nhà trường lao động với nguyên lý GD:

*Học đi với lao động
Lí luận đi với thực hành
Cần cù đi với tiết kiệm.*

Thành quả của cuộc cải cách GD lần thứ hai là ĐT lớp người góp phần xứng đáng vào chiến thắng của cuộc đấu tranh chống sự xâm lược của đế quốc Mỹ, tái thống nhất đất nước (30 tháng 4 năm 1975).

Ba tượng đài anh hùng GD mà cuộc cải cách GD lần thứ hai:

- Trường cấp 2 Bắc Lí với minh triết GD “Tất cả vì học sinh thân yêu”.

- Trường Thanh niên Lao động xã hội chủ nghĩa Hòa Bình với sự tổ chức có hiệu quả “GD kết hợp với lao động sản xuất”.

- Trường học xã Cẩm Bình đề ra phương thức GD cho mọi người và huy động sức mạnh của xã hội cho phát triển GD.

(Education for All / EFA ~ All for Education / AFE).

2.1.4. Cải cách giáo dục lần thứ ba (1979)

Cải cách GD lần thứ ba tiến hành vào năm 1979 trên toàn quốc. Lúc này, đất nước ta đã thống nhất. Cải cách

GD (1979) thực hiện sự hợp nhất hệ thống GD Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và hệ thống GD ở miền Nam có từ trước 30 tháng 4 năm 1975 thành hệ thống GD quốc dân thống nhất, bao quát 5 ngành học: GD nhà trẻ mẫu giáo, ngày nay là GD mầm non, GD phổ thông, GD kĩ thuật nghề nghiệp, GD đại học, GD bổ túc - tại chức, ngày nay là GD thường xuyên.

2.2. Đổi mới giáo dục 2.0 (từ cuối năm 1986 đến những năm đầu thế kỉ XXI)

Tháng 12 năm 1986, điều chỉnh chiến lược đặt ra mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa. Ngày 21 tháng 8 năm 1987, ngành GD có sự chuyển hướng theo tổng lộ tuyến này. Nghị quyết 90/NQ-CP nêu chủ trương tái lập trường ngoài công lập (1989).

Tháng 4 năm 1990, Chính phủ thành lập Bộ GD&ĐT trên cơ sở hợp nhất Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Bộ GD.

Ngành GD&ĐT từ năm 1990 có các chủ trương thúc đẩy sự nghiệp GD quốc dân thích ứng với kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Có thể coi đây là cuộc Đổi mới GD lần thứ hai (Đổi mới GD 2.0): Đổi mới trạng thái kinh tế của GD.

Đầu những năm 90 của thế kỉ XX, đất nước xác định luận điểm: GD là quốc sách hàng đầu với ba nhiệm vụ chiến lược; Nâng cao dân trí, ĐT nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Luận điểm này được ghi vào Hiến pháp. Ngành GD&ĐT tích cực vận hành theo chính sách tổng quát này.

Ngày 31 tháng 01 năm 1996, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT kí quyết định thành lập Ban soạn thảo Chương trình tiểu học cho những năm sau 2000 (Gọi tắt là Chương trình tiểu học năm 2000).

Ngày 09 tháng 01 năm 2001, Chương trình Tiểu học mới được chính thức ban hành theo quyết định số 43/2001/QĐ-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT. Đây một cuộc cải cách GD mới giúp cho GD tiếp tục gắn bó hơn với đường lối công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Ngay từ các năm cuối thập niên thứ nhất thế kỉ XXI, một số nhà chính trị văn hóa có tâm huyết với sự phát triển của GD đã cảnh báo sự lạc hậu của nền GD đất nước nhìn theo động thái của kỉ nguyên tri thức diễn ra sôi nổi trong đời sống toàn cầu hóa. Họ đề nghị phải tiến hành sự đổi mới GD,

2.3. Đổi mới giáo dục 3.0 (từ tháng 11 năm 2013)

Ngày 04 tháng 11 năm 2013, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Có thể coi đây là cuộc Đổi mới GD lần

thứ ba (Đổi mới GD 3.0), với mục tiêu “Đổi mới trạng thái văn hóa của GD”: Phát triển GD chú ý đến nhu cầu của người học, không ngừng nâng cao năng lực lựa chọn và mở rộng cơ hội lựa chọn cho người học. Trên các diễn đàn GD thường quảng bá đổi mới hoạt động dạy học từ chủ yếu truyền thụ tri thức sang bồi dưỡng năng lực. GD đang cố gắng thấm nhuần lời huấn đức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ông từng có một quan điểm đặc sắc về sứ mệnh của GD. Ngày 15 tháng 6 năm 2009, trong một tâm thư gửi Bộ Chính trị góp ý về sứ mệnh của GD trong bối cảnh mới, ông viết:

“GD là mục đích cuộc sống, vì con người không chỉ có sứ mệnh nâng cao dân trí, ĐT nhân lực, bồi dưỡng nhân tài mà còn có sứ mệnh tạo ra các giá trị văn hóa, đạo đức, thể mỹ và thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

Mục tiêu cao nhất của GD&ĐT là chuẩn bị những người chủ hiện tại và tương lai của xã hội, những người sẽ quyết định vận mệnh của đất nước, của cộng đồng xã hội và của chính bản thân mình. Đó là những con người có phẩm chất và năng lực, có nhân cách và khả năng tư duy độc lập, có kiến thức, kỹ năng chuyên môn, có năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, sẵn sàng vượt qua mọi định kiến trên con đường tìm kiếm chân lí, có bản lĩnh thích ứng trước mọi thử thách của cuộc sống và trước sự thay đổi của thời đại toàn cầu hóa và xã hội tri thức, có năng lực tự tổ chức đời sống của cá nhân và của cộng đồng một cách chủ động trên tinh thần hợp tác và có trách nhiệm. Để đạt được mục tiêu đó, cần phải cải cách căn bản nền GD quốc dân, hình thành một nền GD dân chủ, nhân văn và hiện đại, một xã hội học tập, xã hội tri thức, biến quá trình GD thành quá trình tự GD, trao cho con người những công cụ và phương pháp để tự học và học tập suốt đời” [2, tr. 300].

2.4. Cuộc cải cách giáo dục năm 1979 đã định hình nền quốc học hiện đại

Ngày nay, Bộ GD&ĐT đang trực tiếp quản lý: GD mầm non, GD phổ thông, GD cao đẳng đại học, GD thường xuyên, một số bộ khác quản lý các trường dạy nghề kỹ thuật, các trường cao đẳng đại học. Tuy nhiên, hệ thống các trường lớp trên toàn quốc tiếp tục phối hợp bổ sung cho nhau để làm tốt 5 nhiệm vụ cốt yếu sau: Phát triển nhân cách, nâng cao dân trí, ĐT nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng xã hội học tập.

Phân hệ GD mầm non: GD trẻ em từ ba tuổi đến sáu tuổi có tính thiện, dần dần có thái độ “Yêu lao động, giàu tình thương, trọng lễ phép”. Một số trường trong hệ này, không chỉ GD trẻ em mà còn GD cha mẹ biết cách nuôi con khỏe dạy con ngoan (Parents Education). Có trường còn tác động đến phụ nữ trong đời sống cộng đồng, biết chăm sóc dưỡng dục khi mang thai theo thông điệp “Thai giáo” của tiền nhân.

Phân hệ GD phổ thông: Bao gồm các trường tiểu học,

trung học cơ sở, trung học phổ thông đang tiếp tục làm tốt nhiệm vụ GD nhân cách được hình thành từ tuổi mầm non, GD cho người học trong độ tuổi này có tinh thần “Học - Hỏi - Hiểu - Hành”, biết thực hiện “Học đi với lao động, cần cù đi với tiết kiệm, lí luận gắn liền với thực tiễn”. Trên thực tế góp phần tích cực thực hiện chế độ phổ cập GD để đất nước có dân trí từ tế làm nền tảng vững chắc cho “Quan trí liêm chính, Doanh trí sáng tạo” cho sự phát triển bền vững của đất nước. Ngày nay, nhiều tỉnh thành đã hoàn thành phổ cập GD trung học cơ sở (9 năm) và thúc đẩy cho nhiều thanh niên được học cấp 3 có trình độ phổ thông 12 năm.

Phân hệ GD kỹ thuật nghề nghiệp: Chủ yếu do Tổng cục GD nghề nghiệp (thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) quản lý đang góp phần phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao đóng góp tích cực vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phân hệ GD Đại học: Vừa thuộc Bộ GD&ĐT vừa thuộc một số Bộ chuyên ngành quản lý đang ĐT cho đất nước nhân lực có năng lực “4C” hòa vào với đời sống toàn cầu: C1: Tư duy phản biện (Critical thinking); C2: Năng lực giao tiếp (Communication); C3: Năng lực hợp tác (Collaboration); C4: Năng lực sáng tạo (Creativity). Nhiều trường đại học đang bồi dưỡng được các tri thức trẻ trở thành nhân tài cho đất nước.

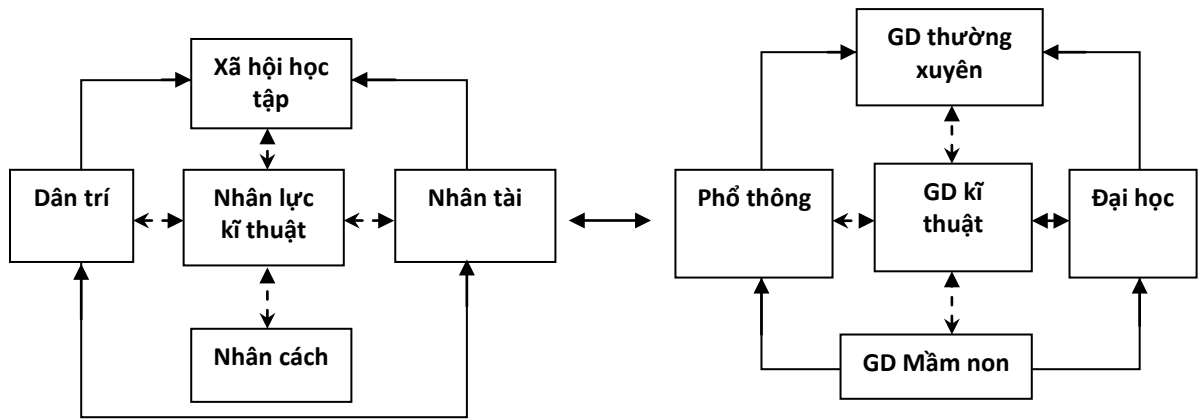
Phân hệ GD thường xuyên: Giúp cho công dân có môi trường vừa học - vừa làm/vừa làm - vừa học (Learning by doing). Phân hệ này kiến tạo được “Xã hội học tập”, đang quản lý trên 10.000 trung tâm học tập cộng đồng tại các phường xã và thực hiện sự cộng quản “Thiết chế GD thường xuyên - GD nghề nghiệp” tại các quận huyện.

Năm phân hệ trên như năm bình chũng phối hợp, bổ sung cho nhau làm tốt nhiệm vụ “Nhân cách - Nhân lực” đưa đất nước vững bước đi vào kỉ nguyên kinh tế tri thức. Mỗi phân hệ có một đặc thù tổ chức sự phạm, song có mục đích chung là thực hiện tổng lộ tuyến “GD là quốc sách hàng đầu” để đất nước trên bệ phóng nhân cách có 3 ngọn cờ hồng “Dân trí - Nhân lực kỹ thuật - Nhân tài” phấp phới vào bầu trời xanh “Xã hội học tập” (xem Sơ đồ 1).

Những người có trách nhiệm với nền Quốc học đương đại, ý thức triết lí phát triển sau: “Phi mầm non bất thành nhân cách; Phi phổ thông bất thành dân trí; Phi kỹ thuật - nghề nghiệp bất thành nhân lực; Phi đại học bất thành nhân tài; Phi GD thường xuyên bất thành xã hội học tập”.

Hai vấn đề “Nhân cách - Nhân lực” trong hoàn cảnh phát triển của nước ta đòi hỏi phải luôn luôn gắn bó khăng khít với nhau và phải phát triển hài hòa theo chiều dương để đất nước đạt tới trạng thái: “Dân tộc trở thành dân tộc thông thái” và mỗi thành viên trong cộng đồng dân tộc là “Người công dân học tập” có ý thức đứng đắn trước động thái phát triển hiện nay.

Dân tộc trở thành dân tộc thông thái là lời kêu gọi



Sơ đồ 1: Hệ thống nền Quốc học hiện nay

(Nguồn: Tác giả)

của Bác Hồ khi Người đi công tác ở Pháp về (tháng 10 năm 1946). Người công dân đúng đắn là tâm nguyện của Bác Hồ (ngày 02 tháng 9 năm 1948).

Nhân cách (+) và nhân lực cũng phải (+) thì đất nước mới phát triển bền vững. Nếu nhân cách (+) mà nhân lực (-) thì không thể đua tranh trên trường quốc tế khi nhân loại đã bước vào **Kỷ nguyên trí thức**. Tuy nhiên, nếu nhân lực (+) mà nhân cách (-) thì lại tiềm ẩn rất nhiều rủi ro cho sự sinh tồn của dân tộc.

Những phẩm chất cao đẹp của nhân cách phải chuyển hóa thành nhân lực và nhân lực có chất lượng cao phải thấm góp được tinh hoa của nhân cách (xem Bảng 1).

Bảng 1: Các giai đoạn học tập trong cuộc đời

Giai đoạn đi học	Yêu cầu thái độ /Hành động của người đi học
Tuổi mầm non (Đặc biệt tuổi thứ 5, thứ 6)	Hướng thiện; yêu lao động; giàu tình thương; trọng lễ phải
Tuổi phổ thông	Phát huy kết quả đã có ở tuổi mầm non + 4H (Học - Hỏi - Hiểu - Hành) + có ý thức “Học đi với lao động, lí luận gắn liền với thực tiễn, cần cù đi với tiết kiệm
Tuổi sau phổ thông → Học suốt đời	Phát huy kết quả đã có ở tuổi mầm non, tuổi phổ thông + “4C” (tư duy phân biện, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo) và biết sống nghĩa tình

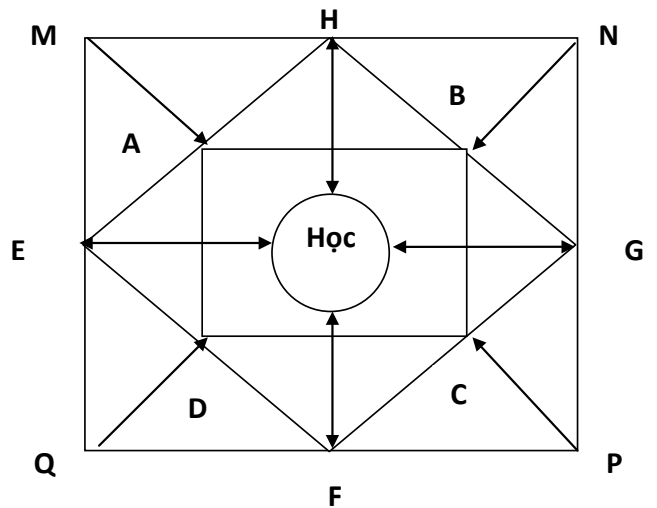
(Nguồn: Tác giả)

Mẫu thức học tập của con người trong cả cuộc đời (xem Hình 1):

A,B,C,D: Tuổi mầm non: Hướng thiện, yêu lao động, giàu tình thương, trọng lễ phải.

E,F,G,H: Tuổi phổ thông: 4H (“Học - Hỏi - Hiểu - Hành”).

M,N,P,Q: Tuổi sau phổ thông/ Học suốt đời: 4C (tư duy phân biện, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo) và biết sống nghĩa tình.



Hình 1: Mẫu thức học tập của con người trong cuộc đời

(Nguồn: Tác giả)

3. Kết luận

Nền Quốc học đương đại của nước ta (từ ngày 02 tháng 9 năm 1945 đến nay) trong quá trình phát triển 75 năm đã có những thành tích rực rỡ, tuy còn mối lo về một bộ phận chưa thực hiện sự dạy học tử tế hẳn hoi. Theo thông cáo báo chí, tổng kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số Việt Nam có hơn 96,2 triệu người. Số người đi học và số trường của các ngành học có số lượng khá cao. Trong đó: GD mầm non: 15.476 trường; 5.173.792 học sinh; GD phổ thông: 27.723 trường; 16.525.868 học sinh; GD đại học: 237 trường; 1.526.111 sinh viên; ĐT giáo viên trình độ cao đẳng: 58 trường; 33.239 sinh viên. Nếu tính cả số học viên đi học bổ túc văn hóa thì trên đất nước đang có 662 trung tâm GD thường xuyên tỉnh, quận, huyện với 244.389 học viên bổ túc văn hoá [3].

Như vậy, cả nước có trên 23 triệu người đi học, phường xã nào cũng có trường mầm non, trường phổ thông cơ sở, quận huyện nào cũng có trường trung học phổ thông, nhiều tỉnh có trường cao đẳng đại học. Đan xen vào đó

còn có các trung tâm học tập cộng đồng tại nhiều phường xã. Thành tựu GD đã tác động tốt vào quá trình dân chủ hóa xã hội, giữ vững an ninh và ổn định chính trị, đóng góp nhất định cho tăng trưởng phát triển kinh tế.

Tuy nhiên, vẫn còn những hiện tượng tiêu cực trong kì thi trung học phổ thông tại Hà Giang, Sơn La, Hòa Bình năm 2018 khiến một số người tâm huyết phải nhắc nhở: GD Việt luôn luôn phải nhớ đến lời bàn luận hiền minh của Nelson Mandela và chỉ thị của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Nelson Mandela, nhà chính trị từ đất nước Nam Phi phát biểu: GD là vũ khí mạnh nhất để thay đổi cả thế giới, là công cụ kì diệu để phát triển con người. Tuy nhiên, nhân tố này cũng phá hủy bất kì quốc gia nào dù không cần đến bom nguyên tử và tên lửa tầm xa mà chỉ cần hạ thấp chất lượng và cho phép gian lận trong các kì thi. Mandela cảnh báo: Nếu để nhân tố này tha hóa thì: Bệnh nhân chết dưới bàn tay các bác sĩ của nền GD ấy; Các tòa nhà sụp đổ dưới bàn tay các kĩ sư của nền GD ấy; Tiền bị mất trong tay các nhà kinh tế và kế toán của

nền GD ấy; Nhân loại chết dưới bàn tay các học giả tôn giáo của nền GD ấy; Công lí bị mất trong tay các thẩm phán của nền GD ấy”. Nelson Mandela kết luận: Sự sụp đổ của GD là sự sụp đổ của một quốc gia.

Nhà chính trị GD Phạm Văn Đồng từ những năm 90 của thế kỉ trước từng nêu ra yêu cầu cho Quốc học Việt trên con đường tiến vào tương lai: Trường ra trường, lớp ra lớp; Thầy ra thầy, trò ra trò; Dạy ra dạy, học ra học. GD Việt Nam từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến nay đã trải qua ba lần đổi mới. Sau mỗi lần đổi mới, hệ thống GD Việt Nam hiện nay ngày càng hoàn thiện, thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của đất nước cũng như theo đà phát triển chung của GD thế giới. Ngoài ra, sự đổi mới GD là thật sự cần thiết, có vị trí quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Vì vậy, các nhà chính trị, các nhà GD luôn xem trọng đổi mới GD theo hướng đáp ứng yêu cầu của thời đại, góp phần nâng cao chất lượng GD, phục vụ phát triển kinh tế đất nước.

Tài liệu tham khảo

- | | |
|---|---|
| <p>[1] Hồ Chí Minh, (10/10/1945), <i>Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời số 43</i>.</p> <p>[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2013), <i>Hỏi - Đáp về một số nội dung Đổi mới căn bản - toàn diện Giáo dục và Đào tạo</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2019), <i>Tờ gấp giáo dục và đào tạo Việt Nam</i>, https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/to-gap.aspx?ItemID=6638.</p> <p>[4] Nguyễn Bá Cường và nhiều tác giả, (2014), <i>Đại tướng</i></p> | <p><i>Võ Nguyên Giáp với sự nghiệp khoa học, giáo dục và đào tạo</i>, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>[5] <i>Hồ Chí Minh Toàn tập</i>, (2011), NXB Chính trị Quốc gia.</p> <p>[6] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2013), <i>Hỏi - Đáp về một số nội dung đổi mới căn bản - toàn diện giáo dục và đào tạo</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>[7] Quỹ Hòa bình và Phát triển Việt Nam, (2016), <i>Hệ Giá trị - Mục tiêu phát triển nhân cách người học của Hệ thống giáo dục</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> |
|---|---|

EDUCATION INNOVATION IN VIETNAM SINCE SEPTEMBER 1945 AND THE MISSION FOR NATIONAL EDUCATION IN THE CURRENT SITUATION

Dang Quoc Bao¹, Pham Minh Gian²,
Tang Thai Thụy Ngân Tam³

¹ Institute of Viet Mind
19 Nguyen Huu Tho, Ward 7,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Email: sockpul@gmail.com

² Email: phamminhgian2004@gmail.com

³ Email: tttntam@dthu.edu.vn
Dong Thap University
783 Pham Huu Lau, Ward 6, Cao Lanh city,
Dong Thap province, Vietnam

ABSTRACT: *Training human resources to meet the requirements of the country has always been an essential task of the national education. Since the foundation day of the Democratic Republic of Vietnam on September 2nd, 1945, Vietnam's education has undergone three major reforms, contributing to human resource training, improving people's knowledge, and meeting the supply of human resources for national development. This article aims to present three educational innovations, including: The first national education renovation (in 1945) with three reforms in 1950, 1956, and 1959; The second innovation (from the end of 1986 to the early years of the twenty-first century); and The third educational renovation (since November 2013) which was associated with the industrial revolution 4.0, thereby considering the tasks of national education development in the new situation.*

KEYWORDS: Education renovation; national education; education reform; Vietnamese education.